

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-PT

Ngày 18- 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo.

Các Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Ông Nguyễn Đức Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1951 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm ..., xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Trần Thị T (đều đã chết); có vợ Đào Thị Đ và 02 con; không tiền án, tiền sự;

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự số 16 ngày 25/7/1978 của Tòa án tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt Lê Văn T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”.

- Tại bản án hình sự số 738 ngày 25/5/1984 của Tòa án tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt Lê Văn T 11 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 268/HSPT ngày 02/3/1993 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt Lê Văn T 08 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 22/HSPT ngày 15/11/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt Lê Văn T 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến ngày 14/12/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án có 02 bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 05/12/2018 T đi đến chùa H tại xóm ..., xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với mục đích trộm cắp tài sản là đồ thờ cúng. Đến nơi T đi bộ vào cổng mở cổng và đi vào trong khuôn viên của chùa H thấy cánh cửa Điện Tam Bảo không khóa, T mở cửa đi vào trong Điện Tam Bảo bật đèn pin tìm và lấy 01 bộ đỉnh thờ bằng đồng đang để trên ban thờ (gồm cả chân đế và nắp rời) mang về mé đường gần chùa N thuộc địa phận xóm ..., xã T cất giấu. T tiếp tục vào chùa N thấy cửa thờ Phật chùa N không khóa, T mở cửa vào bên trong bật đèn pin tìm kiếm, T thấy hòm công đức để trong nhà thờ Phật không khóa, T mở hòm công đức lấy toàn bộ số tiền trong hòm công đức bỏ vào trong túi quần và túi áo của T. T tiếp tục lấy 01 đôi đèn thờ bằng đồng trên bàn thờ đưa ra ngoài. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/12/2018 khi T vừa ra khỏi nhà thờ Phật của chùa N thì bị tổ công tác hình sự Công an tỉnh Ninh Bình bắt quả tang; thu giữ trên tay của T 01 đôi đèn thờ bằng đồng và số tiền trong túi quần và túi áo của T sau khi kiểm đếm có tổng số tiền là 2.543.000 đồng. Trong khi cơ quan điều tra lấy lời khai T đã tự thú về hành vi trộm cắp 01 bộ đỉnh thờ bằng đồng tại chùa H và hiện đang cất giấu tại mé đường gần chùa N. T đã dẫn Cơ quan điều tra đến nơi cất giấu và cơ quan điều tra đã lập biên bản và thu giữ 01 bộ đỉnh thờ bằng đồng T đã lấy của chùa H.

Tại biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐ ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Ninh Bình kết luận: 01 bộ đỉnh đồng chiều cao 50cm trị giá là 2.200.000 đồng; 01 đôi đèn thờ đúc bằng đồng

cao 40cm trị giá là 2.400.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/12/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho bị cáo và bị hại.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T vẫn giữ nội dung kháng cáo với lý do: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tự thú ra hành vi phạm tội trước đó của mình, bị cáo tuổi đã cao xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt; sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/12/2018.

Về án phí: Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ; lời khai của bị hại; phù hợp với kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐ ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Ninh Bình và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 05/12/2018 Lê Văn T lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chùa H tại xóm ..., xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 bộ đỉnh thờ bằng đồng trị giá là 2.200.000 đồng mang ra ngoài cất giấu. Sau đó vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 06/12/2018 T lại tiếp tục vào chùa N trộm cắp 01 đôi đèn thờ bằng đồng trị giá 2.400.000 đồng và số tiền trong hòm công đức là 2.543.000 đồng thì bị Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện, bắt giữ. Tổng số tiền và tài sản bị cáo Lê Văn T đã trộm cắp chiếm đoạt tại 02 chùa N và chùa H là 7.143.000 đồng. Hành vi lén lút trộm cắp và chiếm đoạt trên của bị cáo Lê Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T xin giảm nhẹ hình phạt Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo Lê Văn T có nhân thân xấu đã bị kết án nhiều lần về tội “Trộm cắp tài sản” đã có thời gian dài chấp hành án phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất vụ án, đánh giá về nhân thân, xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do vậy yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần án phí hình sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, mặc dù bị cáo không kháng cáo về phần này nhưng khi phạm tội bị cáo trên 60 tuổi nên theo quy định của Luật Người cao

tuổi và căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì người cao tuổi được miễn nộp án phí hình sự. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là không đúng. Cần sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình về phần án phí.

[4] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt; sửa phần án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/12/2018.

Bị cáo Lê Văn T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn T được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/6/2019./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản);
 - TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản);
 - TAND huyện Y (4 bản);
 - VKSND huyện Y (1 bản);
 - CA huyện Y (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện Y (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Trại tạm giam (01 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa (1 bản);
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Thị Thảo